

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST  
Ngày: 14-5-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hải Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 461/2020/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1959; thường trú: Đường V, khu phố 4, phường H1, Quận X, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Đường H, khu phố 2, phường T, Quận X (nay là thành phố T), Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Hữu S vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 23 tháng 11 năm 2020, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Đ trình bày:*

Ngày 02/02/2019, ông Đoàn Văn Đ cho ông Nguyễn Hữu S vay số tiền 500.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn vay từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/6/2020, nhưng nếu quá 01 tháng mà không trả tiền lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị, bên vay phải trả ngay vốn, lãi phát sinh cho bên vay. Khi cho vay tiền hai bên có lập giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền) ngày 02/02/2019.

Tuy nhiên, từ khi ông Nguyễn Hữu S vay số tiền trên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ phải trả tiền lãi hàng tháng cũng như tiền gốc khi đến hạn. Do đó, ông Đoàn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu S phải trả số tiền đã vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), và trả lãi tính từ ngày 02/02/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tạm tính từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/11/2020 là 21 tháng, với mức lãi suất là 20%/năm thành tiền là 178.500.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn ông Đ không có yêu cầu gì khác.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Hữu S:* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông Nguyễn Hữu S tham gia giải quyết vụ án nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu ông S có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông S không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay mượn cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho ông Đ. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông S. Quá trình xác minh, bị đơn ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương và hiện vẫn sinh sống tại địa chỉ trên.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu S có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo giấy vay tiền (kiêm giấy biên nhận tiền) ngày 02/02/2019. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 26/4/2021 và ngày 14/5/2021 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu S đã được triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù ông Nguyễn Hữu S biết việc ông Đoàn Văn Đ khởi kiện nhưng không cung cấp bất cứ chứng cứ nào về quá trình vay, trả gốc, tiền lãi cho ông Đ. Như vậy, việc bị đơn ông S vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông S phải chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2] Về nội dung: Theo giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền) ngày 02/02/2019 và trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định: Ngày 02/02/2019, ông Đoàn Văn Đ cho ông Nguyễn Hữu S vay số tiền 500.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng; thời hạn vay là từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/6/2020, nhưng nếu quá 01 tháng mà không trả tiền lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị, bên vay phải trả ngay vốn, lãi phát sinh cho bên vay. Cho đến khi hết thời hạn vay ông S chưa thanh toán tiền gốc, lãi cho ông Đ.

[2.1] Về nợ gốc: Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu S phải trả số tiền lãi của số tiền đã vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tính từ ngày 02/02/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm.

Tại giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền) ngày 02/02/2019, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất 3%/tháng (tương đương 36%/năm) là vượt quá lãi suất giới hạn được quy định nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm (tương đương 1,6667%/tháng), là

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền lãi nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Cụ thể: Tiền lãi bị đơn phải thanh toán tính từ ngày 02/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2021) là 27 tháng 12 ngày x 20%/năm x 500.000.000 đồng = 228.337.900 đồng.

Đồng thời, tại Giấy vay tiền (Kiêm giấy biên nhận tiền) ngày 02/02/2019, ông Đoàn Văn Đ và ông Nguyễn Hữu S có thỏa thuận mức lãi suất 03%/tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Nên căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông S phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn ông Đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Hữu S thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ số tiền tổng cộng 728.337.900 đồng (bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng) bao gồm: Nợ gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 228.337.900 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu S phải chịu 33.133.516 đồng (ba mươi ba triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm mười sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố D;
- CCTHADS thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hải Nam**